**TRƯỜNG THPT PHÚ NHUẬN**

**Môn : văn**

**Khối 12**

**NHIỆM VỤ HỌC TẬP TUẦN 11 ( từ 15/11 đến 20/11/ 2021)**

I. Nhiệm vụ tự học, nguồn tài liệu cần tham khảo:

1. Nội dung 1: bài thơ Sóng

2. Nội dung 2: Thực hành một số biện pháp tu từ cú pháp

\* Nguồn tài liệu cần có: SGK tập 1 hoặc SGK điện tử

\* Nguồn tài liệu tham khảo: Tài khoản MS Teams ( Bài giảng đã được lưu lại)

II.Kiến thức cần ghi nhớ:

HS cần đạt được :

* **Nội dung 1 : Sóng**

I. Tìm hiểu chung

- HS đọc phần Tiểu dẫn, đọc Văn bản trong sgk trang 154 tìm hiểu những nét chính về cuộc đời tác giả, sự nghiệp, xuất xứ bài thơ *Sóng,* nội dung, nghệ thuật bài thơ.

1. Tác giả:

- Cuộc đời bất hạnh; luôn khao khát tình yêu, mái ấm gia đình và tình mẫu tử.

- Đặc điểm hồn thơ: tiếng nói của người phụ nữ giàu yêu thương, khao khát hạnh phúc đời thường, bình dị; nhiều âu lo, day dứt, trăn trở trong tình yêu.

2. Tác phẩm:

a. Hoàn cảnh sáng tác :

- Được viết tại biển Diêm Điền (Thái Bình) năm 1967.

b. Đề tài và chủ đề:

- Đề tài: Tình yêu.

- Chủ đề: Mượn hình tượng sóng để diễn tả tình yêu của người phụ nữ. Sóng là ẩn dụ cho tâm hồn người phụ nữ đang yêu.

II. Đọc hiểu văn bản

1. Khổ 1 + 2: Sóng là đối tượng để nhận thức tình yêu

- Khổ 1:

+ Tiểu đối: Dữ dội - dịu êm; ồn ào - lặng lẽ

🡪 mở đầu bằng 4 tính từ: Miêu tả trạng thái đối lập của sóng và liên tưởng đến tâm lí phức tạp của người phụ nữ khi yêu (khi sôi nổi, mãnh liệt khi dịu dàng, sâu lắng).

+ Phép nhân hoá:

“Sông - không hiểu mình”

“Sóng - tìm ra bể”

* Con sóng mang khát vọng lớn lao: Nếu “sông không hiểu nổi mình” thì sóng dứt khoát từ bỏ nơi chật hẹp để “tìm ra tận bể”, tìm đến nơi cao rộng, bao dung.
* Hành trình “tìm ra tận bể” của sóng cúng chính là quá trình tự khám phá, tự nhận thức, chính bản thân, khát khao sự đồng cảm, đồng điệu, chủ động trong tình yêu.

- Khổ 2:

+ Quy luật của sóng: Sóng: ngày xưa, ngày sau: vẫn thế

* sự trường tồn của sóng trước thời gian: vẫn dạt dào, sôi nổi.

+ Quy luật của tình cảm:

“Khát vọng tình yêu - bồi hồi trong ngực trẻ”

* Tình yêu là khát vọng lớn lao, vĩnh hằng của tuổi trẻ và nhân loại.
* Xuân Quỳnh đã liên hệ tình yêu tuổi trẻ với con sóng đại dương. Cũng như sóng, con người đã đến và mãi mãi đến với tình yêu. Đó là quy luật muôn đời.
* Yêu là tự nhận thức, là vươn tới miền bao la,vô tận.

2 . Khổ 3, 4, 5, 6, 7: Sóng là đối tượng để suy tư về nguồn gốc và những cung bậc cảm xúc khi yêu

- Khổ 3: Suy tư về tình yêu

* quay về lòng mình, nhu cầu tìm hiểu, phân tích, khám phá tình yêu

- Khổ 4: Đi tìm câu hỏi tu từ cho câu hỏi ở khổ 3:

* Đây là cách cắt nghĩa tình yêu  rất chân thành và  đầy nữ tính.

- Khổ 5: Nỗi nhớ của sóng và em

+ Bao trùm cả không gian : *dưới lòng sâu, sóng trên mặt nước*

+ Thao thức trong mọi thời gian: *ngày đêm không ngủ được*

* Phép đối, phép điệp, nhân hóa, giọng thơ dào dạt, náo nức, mãnh liệt: diễn tả nỗi nhớ da diết, không thể nào nguôi, cứ cuồn cuộn, dào dạt như sóng biển triền miên.

+ Sóng nhớ bờ mãnh liệt, tha thiết, còn em nhớ anh đắm say hơn bội phần :

*Lòng em nhớ đến anh*

*Cả trong mơ còn thức*

* Cách nói cường điệu nhưng hợp lí: nhằm tô đậm nỗi nhớ (choáng ngợp cõi lòng không chỉ trong ý thức mà thấm sâu vào trong tiềm thức).
* Bày tỏ tình yêu một cách chân thành, tha thiết mà mạnh dạn, mãnh liệt.

- Khổ 6: Lòng chung thuỷ

+ Cách nói khẳng định :

++em : dẫu xuôi - phương bắc; dẫu ngược - phương nam,

++em : vẫn *Hướng về anh một phương*

* Lời thề  thủy chung tuyệt đối trong tình yêu : dù đi đâu về đâu vẫn hướng về người mình đang thương nhớ đợi chờ.

+ Các điệp ngữ : *dẫu xuôi về, dẫu ngược về*  + điệp từ  *phương*, cách nói ngược *xuôi Bắc, ngược Nam*

* Diễn tả hành trình vất vả của sóng nhằm khẳng định niềm tin đợi chờ trong tình yêu.

- Khổ 7 : Bến bờ hạnh phúc .

+ Mượn hình ảnh của sóng :

*« Ở ngoài kia đại dương » - « Con nào chẳng tới bờ »*

* quy luật tất yếu.

+ Sóng tới bờ dù cách trở: Tình yêu là sức mạnh giúp em và anh vượt qua gian lao, thử thách để đạt đến bến bờ hạnh phúc.

* XQ thể hiện cái tôi của một con người luôn có niềm tin mãnh liệt vào tình yêu.

3. Khổ 8, 9: Những suy tư, lo âu, trăn trở trước cuộc đời và khát vọng tình yêu:

- cuộc đời tuy dài >< năm tháng vẫn đi qua.

- Biển dẫu rộng >< mây vẫn bay về xa.

-> Đó là sự nhạy cảm và lo âu, trăn trở của XQ về sự hữu hạn của đời người và sự mong manh của hạnh phúc.

+ *Làm sao* ….. *Thành trăm*  🡪 khao khát sẻ chia và hòa nhập vào cuộc đời.

+ *Giữa biển* …..     🡪 khát vọng được sống mãi

*Để ngàn* …..    🡪 trong TY, bất tử với TY

* khát vọng khôn cùng về tình yêu bất diệt

III. TỔNG KẾT

1. Nghệ thuật :

- Thể thơ 5 chữ truyền thống; cách ngắt nhịp, gieo vần độc đáo, giàu sức liên tưởng.

- Xây dựng hình tượng ẩn dụ, giọng thơ tha thiết.

2. Ý nghĩa văn bản:

            Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu hiện lên qua hình tượng sóng: tình yêu thiết tha, nồng nàn, đầy khát vọng và sắt son chung thủy, vượt lên mọi giới hạn của đời người.

* **Nội dung 2: Thực hành một số biện pháp tu từ cú pháp**

Hs đọc và tìm hiểu nội dung sgk trang 150 đến trang 152.

I. Phép lặp cú pháp:

1. Bài tập 1:

a. Câu có hiện tượng lặp kết cấu cú pháp (lặp cú pháp):

+ Hai câu bắt đầu từ ″Sự thật là″.

+ Hai câu bắt đầu từ ″Dân ta″.

- Phân tích kết cấu cú pháp đó:

+ Kết cấu lặp ở hai câu bắt đầu từ ″Sự thật là″: P – C – V1 – V2. Kết cấu khẳng định ở vế đầu và bác bỏ ở vế sau.

+ Kết cấu lặp ở hai câu bắt đầu từ ″ Dân ta″: C – V – Tr.

- Tác dụng: Tạo cho lời tuyên ngôn âm hưởng đanh thép, hào hùng, thích hợp với việc khẳng định nền độc lập của Việt Nam, đồng thời khẳng định thắng lợi của CMT8 là đánh đổ chế độ thực dân và chế độ phong kiến.

b. Các câu có lặp kết cấu cú pháp

- Câu 1 và câu 2: C - V.

- Câu 3, 4, 5: cụm danh từ.

- Tác dụng: Khẳng định mạnh mẽ chủ quyền của chúng ta và bộc lộ cảm xúc sung sướng, tự hào, sảng khoái đối với thiên nhiên, đất nước khi giành được quyền làm chủ đất nước.

c. Đoạn thơ vừa lặp từ ngữ, vừa lặp cú pháp.

- Ba cặp câu lục bát lặp các từ nhớ sao và lặp kết cấu ngữ pháp của kiểu câu cảm thán.

- Tác dụng: Biểu hiện nỗi nhớ da diết của người ra đi đối với những cảnh sinh hoạt và cảnh vật thiên nhiên ở Việt Bắc.

2. Bài tập 2: So sánh:

a. Ở mỗi câu tục ngữ: hai vế lặp cú pháp nhờ phép đối chặt chẽ về số lượng tiếng, về từ loại, về kết cấu ngữ pháp của từng vế.

b. Ở phép đối: phép lặp cú pháp đòi hỏi mức độ chặt chẽ hơn: số tiếng ở hai câu bằng nhau. Hơn nữa, phép lặp còn phối hợp với phép đối (đối ứng từng tiếng trong hai vế về từ loại, về nghĩa; trong mỗi vế còn dùng từ đồng nghĩa, trái nghĩa tương ứng)

c. Ở thơ Đường luật: phép lặp cú pháp cũng đòi hỏi mức độ chặt chẽ cao: kết cấu ngữ pháp giống nhau, số lượng tiếng bằng nhau, các tiếng đối nhau về từ loại và nghĩa (đặc biệt giữa hai câu thực và hai câu luận của bài thất ngôn bát cú)

d. Ở văn biền ngẫu, phép lặp cú pháp cũng thường phối hợp với phép đối. Điều đó thường tồn tại trong một cặp câu (câu trong văn biền ngẫu có thể dài, không cố định về số tiếng).

II. Phép liệt kê:

1. Phép liệt kê đã phối hợp với phép lặp cú pháp.

Tác dụng: nhấn mạnh và khẳng định sự đối đãi chu đáo, đầy tình nghĩa của Trần Quốc Tuấn đối với tướng sĩ trong mọi hoàn cảnh.

b. Phép lặp cú pháp (các câu có kết cấu ngữ pháp giống nhau: C - V (+ phụ ngữ chỉ đối tượng) phối hợp với phép liệt kê để vạch tội ác của thực dân Pháp, chỉ mặt vạch tên kẻ thù dân tộc. Cũng cùng mục đích ấy là cách tách dòng liên tiếp, dồn dập.

III. Phép chêm xen:

Bài tập 1:

- Tất cả các bộ phận in đậm trong các bài tập a, b, c, d đều ở vị trí giữa câu hoặc cuối câu, sau bộ phận được chú thích.

- Các bộ phận đó đều được tách bằng ngữ điệu khi nói, khi đọc. Còn khi viết thì chúng được tách ra bằng dấu phẩy, dấu ngoặc đơn hoặc dấu gạch ngang.

- Chúng có tác dụng ghi chú hoặc giải thích cho từ ngữ đi trước, bổ sung thông tin thêm sắc thái về tình cảm, cảm xúc của người viết.

Bài tập 2: HS tự làm

Hãy viết đoạn văn( từ 3 đến 5 câu) về Tố Hữu và bài thơ Việt Bắc, trong đó có sử dụng phép chêm xen. Phân tích tác dụng của phép chêm xen trong trường hợp đó.